

PHÒNG GD&ĐT QUẬN 7
TRƯỜNG THCS NGUYỄN HỮU THỌ

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 02 trang)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

NĂM HỌC: 2022 – 2023

MÔN: TOÁN – LỚP: 7

Thời gian làm bài: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng.

Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

Câu 1: [NB - TN1] Căn bậc hai số học của 64 là :

A. 32

B. -8

C. 8

D. -32

Câu 2: [NB - TN2] Số đối của $\frac{-7}{15}$ là:

A. $\frac{7}{15}$

B. $\frac{7}{-15}$

C. $\frac{-15}{7}$

D. $\frac{15}{7}$

Câu 3: [NB - TN3] Cho $|x| = 2,1$ và $x < 0$ thì giá trị của x là :

A. $x = 2,1$

B. $x = - 2,1$

C. $x = 1,2$

D. $x = -1,2$

Câu 4: [NB - TN4] Hình lăng trụ đứng tứ giác có các mặt bên là hình gì?

A. Hình chữ nhật.

B. Hình tam giác.

C. Hình tứ giác.

D. Hình vuông.

Câu 5: [NB – TN5] Cho hình lăng trụ đứng tam giác $ABC.A'B'C'$ có cạnh $A'B' = 3\text{ cm}$, $B'C' = 5\text{ cm}$, $A'C' = 6\text{ cm}$, $AA' = 7\text{ cm}$.

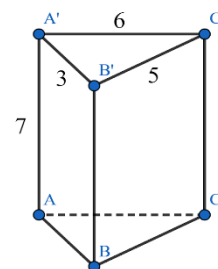
Độ dài cạnh BC sẽ bằng:

A. 3 cm .

B. 5 cm .

C. 6 cm .

D. 7 cm .



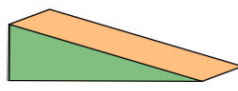
Câu 6: [NB – TN6] Hình nào sau đây là hình lăng trụ đứng tam giác?



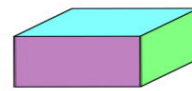
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

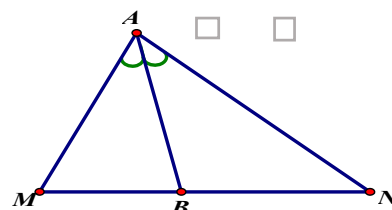
Câu 7: [NB – TN7] Trong hình vẽ bên, tia phân giác của góc MAN là:

A. Tia AB.

B. Tia AN.

C. Tia BA.

D. Tia AM.



Câu 8: [NB - TN8] Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng đó?

A. Không có.

B. Có ít nhất một

C. Có vô số.

D. Chỉ có một

Câu 9: [TH - TN9] giá trị của $\sqrt{15876}$ là:

A. – 126

B. 126

C. 7938

D. – 7938

Câu 10: [TH - TN10] Một hồ bơi hình hộp chữ nhật có các kích thước lần lượt là 15m; 10m; 1,8m. Thể tích của hồ bơi là:

A. 240 cm^3

B. 270 cm^3

C. 180 cm^3

D. 90 cm^3

Câu 11. [TH - TN11] Cho đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì:

A. Đường thẳng a cắt đường thẳng b

B. Đường thẳng a trùng với đường thẳng b

C. a và b song song với nhau

D. Đường thẳng a vuông góc với đường thẳng b

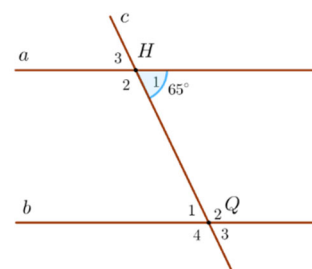
Câu 12. [TH - TN12] Cho hình vẽ bên, biết $a \parallel b$ và $\widehat{H}_1 = 65^\circ$. Số đo $\widehat{Q}_1$ là:

A. 55° .

B. 115° .

C. 125°

D. 65° .



Phần 2. Tự luận. (7,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm)

a/ [NB - TL1] Tìm số đối của các số thực sau: 12, (3) ; $-\sqrt{5}$

b/ [NB - TL2] Tìm các căn bậc hai số học của các số sau: 25; $\frac{100}{49}$

c/ [NB - TL3] Làm tròn đến hàng trăm các số sau: 214 235; 654

Câu 2: (1 điểm) Tính:

[TH - TL4] a) $\frac{5}{6} + \frac{5}{7} \cdot \frac{-7}{10}$

[TH - TL5] b) $\left(\frac{-1}{3}\right)^2 \cdot 27 + \frac{-5}{6} : 2\frac{1}{2}$

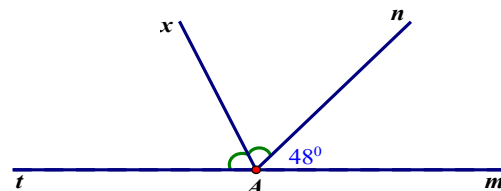
Câu 3: (1 điểm) [VD - TL6] Tìm x biết: $-\frac{2}{5} + 2x = 0,25$

Câu 4: (1,0 điểm) [VDC- TL7] Thực hiện chương trình khuyến mãi “Ngày hội mua sắm”, một cửa hàng giảm giá 30% cho một tivi có giá niêm yết là 8 600 000 đồng. Đến 12h thì cửa hàng quyết định giảm thêm 10% nữa (so với giá đã giảm lần 1). Tính giá của tivi sau khi giảm lần hai.

Câu 5: (1 điểm) Cho hình vẽ sau:

a/ [NB - TL 8] Tìm tia phân giác của $\widehat{nAt}$.

b/ [TH - TL9] Cho $\widehat{mAn} = 48^\circ$. Tính $\widehat{nAt}$.



Câu 6: (1,5 điểm) Một chiếc hộp đựng đồ đa năng có dạng hình hộp chữ nhật với khung bằng thép, bên ngoài phủ vải và có kích thước đáy là 40cm và 50cm, chiều cao là 30cm.

a/ [TH - TL10] Tính thể tích của hộp.

b/ [VD - TL11] Tính diện tích vải phủ bề mặt của hộp (không tính nắp).

_____ HẾT _____

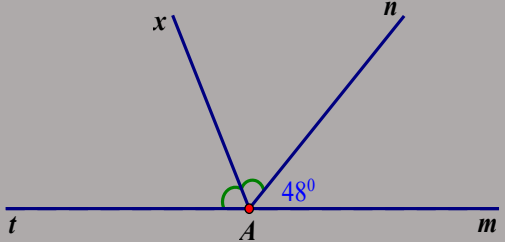
ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	A	B	A	B	C	A	D	B	B	C	D

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
1	Câu 1.a (0,5 điểm): Tìm số đối của các số thực sau: 12, (3) ; $-\sqrt{5}$	
	Số đối của 12,(3) là -12,(3); Số đối của $-\sqrt{5}$ là $\sqrt{5}$	0.25x2
	Câu 1.b (0,5 điểm): Tìm các căn bậc hai số học của các số sau: 25; $\frac{100}{49}$	
	$\sqrt{25} = 5$; $\sqrt{\frac{100}{49}} = \frac{10}{7}$	0.25x2
	Câu 1.c (0,5 điểm): Làm tròn đến hàng trăm các số sau: 214 235; 654	
	$214\ 235 \approx 214\ 200$; $654 \approx 700$	0.25x2
2	Câu 2.a (0,5 điểm): $\frac{5}{6} + \frac{5}{7} \cdot \frac{-7}{10}$;	
	$= \frac{5}{6} + \frac{-1}{2}$	0.25
	$= \frac{5}{6} + \frac{-3}{6} = \frac{1}{3}$	0.25
	Câu 2b (0,5 điểm). $\left(\frac{-1}{3}\right)^2 \cdot 27 + \frac{-5}{6} : 2\frac{1}{2}$;	
	$= \frac{1}{9} \cdot 27 + \frac{-5}{6} : \frac{5}{2}$	0.25
	$= 3 + \frac{-5}{6} \cdot \frac{2}{5}$	
	$= 3 + \frac{-1}{3}$	
	$= \frac{9}{3} + \frac{-1}{3} = \frac{8}{3}$	0.25
3	Câu 3 (1,0 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết: $-\frac{2}{5} + 2x = 0,25$;	
	$2x = \frac{1}{4} + \frac{2}{5}$	0.25

	$2x = \frac{13}{20}$	0.25
	$x = \frac{13}{20} : 2 = \frac{13}{40}$	0.5
4	Câu 4 (1,0 điểm). Thực hiện chương trình khuyến mãi “Ngày hội mua sắm”, một cửa hàng giảm giá 30% cho một tivi có giá niêm yết là 8 600 000 đồng. Đến 12h thì cửa hàng quyết định giảm thêm 10% nữa (so với giá đã giảm lần 1). Tính giá của tivi sau khi giảm lần hai.	
	Giá của tivi sau khi giảm lần 1 $8\,600\,000 \cdot (100\% - 30\%) = 6\,020\,000$ (đồng)	0.5
	Giá của tivi sau khi giảm lần 2 $6\,020\,000 \cdot (100\% - 10\%) = 5\,418\,000$ (đồng)	0.5
5	Câu 5a (0,5 điểm). Cho hình vẽ sau: a/ Tìm tia phân giác của $\widehat{nAt}$. 	
	Tia phân giác của $\widehat{nAt}$ là tia Ax	0.5
	Câu 5b (0,5 điểm). Cho $\widehat{mAn} = 48^\circ$. Tính $\widehat{nAt}$.	
	Ta có: $\widehat{mAn} + \widehat{nAt} = 180^\circ$ (hai góc kề bù) $48^\circ + \widehat{nAt} = 180^\circ$ $\widehat{nAt} = 180^\circ - 48^\circ$ $\widehat{nAt} = 132^\circ$	0.5
6	Câu 6a (0,5 điểm). Một chiếc hộp đựng đồ đa năng có dạng hình hộp chữ nhật với khung bằng thép, bên ngoài phủ vải và có kích thước đáy là 40cm và 50cm, chiều cao là 30cm. a/ Tính thể tích của hộp.	
	Thể tích của hộp: $V = 40.50.30 = 60000 \text{ (cm}^3\text{)}$.	0.5
	Câu 6b (1,0 điểm). Tính diện tích vải phủ bề mặt của hộp (không tính nắp).	
	Diện tích xung quanh của hộp là: $2.(40 + 50).30 = 5400 \text{ (cm}^2\text{)}$	0.5
	Diện tích đáy hộp: $40.50 = 2000 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích vải phủ bề mặt hộp (không tính nắp): $5400 + 2000 = 7400 \text{ (cm}^2\text{)}$	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

____HẾT____